

Số: 20/2016/NQ-HĐND

Pleiku, ngày 30 tháng 6 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề công lập thuộc tỉnh năm học 2016 - 2017.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ NHẤT
(Từ ngày 28 đến ngày 30/6/2016)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2610/TTr-UBND ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh về việc thông qua quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề công lập thuộc tỉnh năm học 2016 - 2017 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu tại Kỳ họp thứ Nhất HĐND tỉnh khóa XI,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề công lập thuộc tỉnh năm học 2016 - 2017 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Đối tượng áp dụng mức thu học phí:

1. Học sinh học tại các trường mầm non công lập (nhà trẻ, mẫu giáo).
2. Học sinh học tại các trường trung học cơ sở công lập.
3. Học sinh học tại các trường trung học phổ thông công lập.
4. Sinh viên, học sinh học tại các trường chuyên nghiệp và dạy nghề công lập thuộc tỉnh.

II. Mức học phí:

1. Học phí giáo dục mầm non và phổ thông:

Nội dung	Mức thu học phí (đồng/tháng/học sinh)		
	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1. Bậc học mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo)			
- Nhóm học 1 buổi/ngày	37.000	20.000	11.000
- Nhóm học 2 buổi/ngày	50.000	27.000	15.000
2. Cấp Trung học cơ sở			
- Lớp 6, lớp 7:	32.000	17.000	9.000
- Lớp 8, lớp 9:	37.000	20.000	11.000
3. Cấp Trung học phổ thông	50.000	27.000	15.000

Thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III theo Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III và các quy định hiện hành.

2. Học phí trung cấp chuyên nghiệp

a. Hệ đào tạo trong chỉ tiêu ngân sách

ĐVT: Nghìn đồng/tháng/học sinh

STT	Nhóm ngành đào tạo	Mức học phí trung cấp chuyên nghiệp
1	Y dược	336
2	Nghệ thuật	150

b. Hệ đào tạo tự túc học phí:

ĐVT: Nghìn đồng/tháng/học sinh

STT	Nhóm ngành đào tạo	Mức học phí trung cấp chuyên nghiệp
1	Kinh tế	260
2	Y dược	560
3	Nghệ thuật	400

3. Học phí trung cấp nghề:

a. Hệ đào tạo trong chỉ tiêu ngân sách:

ĐVT: Nghìn đồng/tháng/học sinh

STT	Tên mã nghề	Mức học phí trung cấp nghề
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	140
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ	240

